

**KIỂM TRA HỌC KỲ II**

Năm học: 2025-2026

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI MÔN KTPL****Phòng thi : P1**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10001	Mai Kim Ái	08/05/2009	Nữ	10A11	
2	10002	H An My Du	08/11/2009	Nữ	10A10	
3	10003	Đặng Lâm Phương Anh	01/10/2010	Nữ	10A11	
4	10004	Lưu Đặng Quỳnh Anh	16/01/2010	Nữ	10A10	
5	10005	Nguyễn Quỳnh Anh	21/05/2010	Nữ	10A8	
6	10006	Nguyễn Thị Hoài Anh	26/10/2010	Nữ	10A8	
7	10007	Y Ánh Bđap	02/02/2010	Nam	10A11	
8	10008	H Ân Liêng Hót	15/08/2010	Nữ	10A9	
9	10009	H Ân Phốc	26/06/2010	Nữ	10A11	
10	10010	H Bảo Thy Bkrông	12/10/2010	Nữ	10A8	
11	10011	Lý Thiên Bảo	13/01/2010	Nam	10A11	
12	10012	Trần Gia Bảo	05/01/2010	Nam	10A9	
13	10013	H Bất Bhók	11/11/2010	Nữ	10A10	
14	10014	H Bích Cìl	03/12/2010	Nữ	10A10	
15	10015	Nguyễn Thị Ngọc Bích	17/02/2010	Nữ	10A8	
16	10016	H Bô Ra Buôn Krông	28/06/2009	Nữ	10A11	
17	10017	Y Cảnh Triek	02/11/2009	Nam	10A11	
18	10018	Y Chiến Bđap	24/08/2009	Nam	10A9	
19	10019	Nguyễn Doãn Cư	05/08/2010	Nam	10A8	
20	10020	Trần Đức Cường	11/01/2010	Nam	10A9	
21	10021	H Dân Liêng	14/10/2010	Nữ	10A8	
22	10022	H' Diêm Pang Ting	14/04/2010	Nữ	10A10	
23	10023	H Dim My Liêng	27/12/2010	Nữ	10A9	
24	10024	H Doan Jiê	07/12/2010	Nữ	10A9	
25	10025	H Du Mi Srúk	06/08/2010	Nữ	10A11	
26	10026	Y Du Ông	14/12/2009	Nam	10A11	
27	10027	Trần Anh Dũng	28/12/2010	Nam	10A9	
28	10028	Y - Duy Liêng	24/01/2010	Nam	10A10	
29	10029	Y Duy Ông	01/05/2010	Nam	10A11	
30	10030	H Duyên Bkrông	21/01/2010	Nữ	10A9	
31	10031	H Duyên Lưk	22/04/2010	Nữ	10A10	
32	10032	H Dư Bkrông	28/09/2010	Nữ	10A8	
33	10033	Nguyễn Thị Thùy Dương	03/08/2010	Nữ	10A8	
34	10034	Phạm Quang Dương	22/10/2010	Nam	10A8	
35	10035	H Đào Lưk	07/12/2010	Nữ	10A9	
36	10036	Nông Thị Xuân Đào	03/02/2010	Nữ	10A10	
37	10037	Trần Hữu Đạt	07/05/2010	Nam	10A8	
38	10038	Y Đạt Ông	23/11/2010	Nam	10A11	
39	10039	Y Đoàn Mbôn	22/09/2010	Nam	10A9	
40	10040	Y Đông Đăk Cát	24/04/2009	Nam	10A11	
41	10041	Y Ha Gin Tor	29/08/2010	Nam	10A10	
42	10042	Du Hà Thiên Quý	18/05/2010	Nam	10A8	

**KIỂM TRA HỌC KỲ II**

Năm học: 2025-2026

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI MÔN KTPL**

Phòng thi : P2

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10043	Nguyễn Phan Như Hà	09/11/2010	Nữ	10A11	
2	10044	Nguyễn Thị Thanh Hà	28/09/2010	Nữ	10A9	
3	10045	H Hạnh Srưk	17/10/2010	Nữ	10A8	
4	10046	Vũ Thị Mỹ Hạnh	20/03/2010	Nữ	10A11	
5	10047	Nguyễn Thị Thanh Hằng	17/02/2010	Nữ	10A11	
6	10048	Trần Thị Hằng	26/06/2010	Nữ	10A8	
7	10049	Dương Thị Nhã Hân	14/11/2010	Nữ	10A11	
8	10050	Nguyễn Lê Ngọc Hân	16/07/2010	Nữ	10A9	
9	10051	Trần Thị Gia Hân	28/10/2009	Nữ	10A11	
10	10052	Phạm Thị Thúy Hậu	07/11/2010	Nữ	10A10	
11	10053	Bùi Xuân Hiếu	04/09/2010	Nam	10A9	
12	10054	Vũ Quang Hiếu	28/11/2010	Nam	10A10	
13	10055	Nguyễn Khắc Hiếu	28/01/2010	Nam	10A10	
14	10056	H Hoa Phôk	29/12/2010	Nữ	10A11	
15	10057	Y Hoài Phú Rơ Yam	27/02/2010	Nam	10A9	
16	10058	H Hoan Hmok Uông	06/03/2010	Nữ	10A9	
17	10059	Huỳnh Minh Hoàng	02/05/2010	Nam	10A11	
18	10060	Đào Văn Huân	21/07/2010	Nam	10A10	
19	10061	Phạm Minh Bảo Huy	20/03/2010	Nam	10A9	
20	10062	H Huyn Kmăn	08/05/2010	Nữ	10A11	
21	10063	Phạm Hùng Khanh	25/03/2010	Nam	10A9	
22	10064	H Kiêm Srưk	17/10/2009	Nữ	10A9	
23	10065	Y Kiên Liêng Hót	05/10/2010	Nam	10A11	
24	10066	Bùi Thị Thư Kỳ	16/06/2010	Nữ	10A10	
25	10067	Trương Văn Lam	25/03/2010	Nam	10A10	
26	10068	Khánh Lâm Hmôk	01/06/2010	Nam	10A10	
27	10069	H Lê A Srưk	29/11/2010	Nữ	10A10	
28	10070	H Lịch Liêng Hót	01/09/2010	Nữ	10A9	
29	10071	H' Lina Draï	17/11/2009	Nữ	10A11	
30	10072	Khắc Trịnh Yên Linh	12/02/2010	Nữ	10A9	
31	10073	Nguyễn Thị Hoàng Linh	20/05/2010	Nữ	10A11	
32	10074	H Loan Rơ Yam	27/03/2010	Nữ	10A10	
33	10075	Trần Thị Cẩm Loan	07/11/2010	Nữ	10A9	
34	10076	Y Lục Liêng	06/04/2010	Nam	10A10	
35	10077	Y Lưu Buôn Dap	28/09/2010	Nam	10A11	
36	10078	Trần Thị Lưu Ly	07/10/2010	Nữ	10A9	
37	10079	Võ Văn Mạnh	27/05/2010	Nam	10A8	
38	10080	H Mên Cیل	23/01/2010	Nữ	10A9	
39	10081	Nguyễn Hữu Minh	17/09/2010	Nam	10A8	
40	10082	Y Môi Sê Liêng	03/09/2009	Nam	10A9	
41	10083	Y Mông Du	22/02/2010	Nam	10A10	

**KIỂM TRA HỌC KỲ II**

Năm học: 2025-2026

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI MÔN KTPL**

Phòng thi : P3

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10084	H Nali Dăk Căt	22/07/2010	Nữ	10A9	
2	10085	Nguyễn Bảo Nam	26/04/2009	Nam	10A9	
3	10086	H Ne Ông	13/09/2010	Nữ	10A8	
4	10087	H Nê Ra Ndu	03/07/2010	Nữ	10A8	
5	10088	H Nê N Tor	18/06/2010	Nữ	10A10	
6	10089	H Ngat Triék	18/08/2009	Nữ	10A10	
7	10090	Nguyễn Thị Khánh Ngân	07/09/2010	Nữ	10A8	
8	10091	H Nguyễn Hlong	07/09/2010	Nữ	10A8	
9	10092	Mai Xuân Thiện Nhân	22/06/2010	Nam	10A9	
10	10093	H Nhu Bkrông	25/10/2009	Nữ	10A11	
11	10094	H Nhung Teh	02/01/2010	Nữ	10A8	
12	10095	Hoàng Ngọc Như	19/06/2010	Nữ	10A10	
13	10096	Lê Ngọc Quỳnh Như	17/05/2010	Nữ	10A8	
14	10097	H Nrong Bkrông	02/10/2010	Nữ	10A8	
15	10098	H Phên Long Dìng	18/07/2010	Nữ	10A8	
16	10099	Y Phi La Ông	01/11/2010	Nam	10A8	
17	10100	Y Phom Liêng	12/01/2010	Nam	10A8	
18	10101	Đặng Hữu Phước	08/12/2010	Nam	10A10	
19	10102	Nguyễn Trọng Phước	30/08/2010	Nam	10A8	
20	10103	Hà Thị Thanh Phương	26/09/2010	Nữ	10A9	
21	10104	Tạ Nguyễn Trúc Phương	02/11/2010	Nữ	10A9	
22	10105	Y Quân Triék	25/04/2010	Nam	10A8	
23	10106	Phạm Văn Quý	28/04/2010	Nam	10A10	
24	10107	H Quyên Du	30/08/2010	Nữ	10A8	
25	10108	Phạm Văn Thành Quyết	02/07/2010	Nam	10A9	
26	10109	Trâm Diễm Quỳnh	23/08/2010	Nữ	10A10	
27	10110	H Ra Hap Je	09/09/2010	Nữ	10A11	
28	10111	H Sân Jiê	04/07/2010	Nữ	10A11	
29	10112	Bùi Đức Sơn	10/07/2010	Nam	10A9	
30	10113	Y Suyn Liêng Hót	30/07/2009	Nam	10A9	
31	10114	Nguyễn Gia Thái	17/12/2010	Nam	10A8	
32	10115	Y Thái Cil	19/01/2010	Nam	10A8	
33	10116	Phạm Thị Thu Thảo	11/09/2010	Nữ	10A9	
34	10117	H Thăm - Éung	26/01/2010	Nữ	10A11	
35	10118	Nguyễn Văn Thắng	28/08/2010	Nam	10A10	
36	10119	Y Thắng Buôn	22/01/2010	Nam	10A9	
37	10120	H Thi Nôm	31/10/2010	Nữ	10A10	
38	10121	H Thi Tor	27/07/2010	Nữ	10A9	
39	10122	Nguyễn Bảo Thi	23/07/2010	Nữ	10A11	
40	10123	Liêng Thị Huệ Cil	17/08/2010	Nữ	10A9	
41	10124	Huỳnh Thanh Thiện	26/06/2009	Nam	10A10	

**KIỂM TRA HỌC KỲ II**

Năm học: 2025-2026

**DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI MÔN KTPL**

Phòng thi : P4

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	10125	Y Thiết Hlong	24/12/2010	Nam	10A8	
2	10126	Phạm Anh Thơ	25/03/2010	Nữ	10A9	
3	10127	H Thơm Hlông	13/10/2010	Nữ	10A9	
4	10128	Nguyễn Thị Thơm	02/09/2010	Nữ	10A11	
5	10129	H Thu Liêng Hót	11/12/2009	Nữ	10A10	
6	10130	Y Thuận Tor	12/10/2009	Nam	10A8	
7	10131	H Thủy Bkrông	25/03/2010	Nữ	10A10	
8	10132	H Thủy Triêk	11/05/2010	Nữ	10A11	
9	10133	Mai Phương Thúy	08/10/2010	Nữ	10A8	
10	10134	Nguyễn Lương Anh Thu	20/11/2010	Nữ	10A8	
11	10135	Võ Thị Anh Thu	08/02/2010	Nữ	10A11	
12	10136	Nguyễn Đức Tiến	11/01/2010	Nam	10A10	
13	10137	Y Tinh Du Mők	02/01/2010	Nam	10A9	
14	10138	H Tra Bkrông	21/11/2010	Nữ	10A8	
15	10139	Phan Thị Hương Trà	29/09/2010	Nữ	10A10	
16	10140	H Trang Êban	17/11/2009	Nữ	10A8	
17	10141	Nguyễn Lê Phương Trang	21/12/2010	Nữ	10A9	
18	10142	Nguyễn Lê Uyên Trang	21/12/2010	Nữ	10A9	
19	10143	Võ Thị Huyền Trang	17/04/2010	Nữ	10A10	
20	10144	Đinh Thị Bích Trâm	14/02/2010	Nữ	10A11	
21	10145	H Trần Srük	05/12/2010	Nữ	10A10	
22	10146	Y - Trí Pang Ting	25/10/2010	Nam	10A8	
23	10147	H Trúc Ông	08/07/2010	Nữ	10A10	
24	10148	Y Trương Phỏk	17/08/2010	Nam	10A11	
25	10149	Nguyễn Thiên Tú	24/10/2010	Nam	10A11	
26	10150	Trần Quang Tuệ	04/08/2010	Nam	10A10	
27	10151	Nguyễn Trọng Tuyên	13/02/2010	Nam	10A11	
28	10152	H Tuyết Rông	20/08/2010	Nữ	10A10	
29	10153	H Uc Teh	20/07/2010	Nữ	10A8	
30	10154	H Ương A Yũn	29/10/2010	Nữ	10A9	
31	10155	Nguyễn Thị Hà Vi	01/01/2010	Nữ	10A10	
32	10156	Y Vĩnh Hmők	20/05/2010	Nam	10A8	
33	10157	H Vươt Trei	01/10/2010	Nữ	10A10	
34	10158	H Wa Lin Triêk	26/07/2010	Nữ	10A8	
35	10159	H Xoa Păng Sur	29/01/2010	Nữ	10A9	
36	10160	Nguyễn Thị Như Xuân	28/04/2010	Nữ	10A10	
37	10161	H Yên Teh	01/05/2010	Nữ	10A10	
38	10162	Hoàng Kim Yên	13/07/2010	Nữ	10A8	
39	10163	Y Yok Hlông	17/05/2010	Nam	10A10	
40	10164	Y Yô Sia Buôn Krông	20/01/2010	Nam	10A11	
41	10165	H Zil Yun Dong Jri	14/04/2010	Nữ	10A8	